

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) riêng Quý 4 năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Ủy ban chứng khoán Nhà nước như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

- Mã chứng khoán: TTN
- Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0274.2220399 Fax:
- Email: cbtt@vntt.com.vn Website: vntt.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Quý 4 năm 2025
 BCTC (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC riêng (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):

Có

Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28./01/2026 tại đường dẫn: <https://vntt.com.vn/bao-cao-tai-chinh/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng Quý 4 năm 2025.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc



PHẠM TUẤN ANH



TOTRENTGD26010290

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 4 NĂM 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		467.122.440.944	411.935.884.767
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	63.929.979.011	38.811.252.844
1. Tiền	111		33.929.979.011	33.811.252.844
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		185.000.000.000	155.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	185.000.000.000	155.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		81.655.839.499	104.309.260.677
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	60.510.395.250	83.411.715.548
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.106.760.272	6.686.762.380
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	19.188.581.305	18.616.123.684
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(5.149.897.328)	(4.405.340.935)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		131.408.258.360	110.974.921.828
1. Hàng tồn kho	141	V.7	131.408.258.360	110.974.921.828
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.128.364.074	2.840.449.418
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.754.971.508	2.275.043.008
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		742.692.789	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	630.699.777	565.406.410
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		166.378.132.503	165.887.855.442
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.067.248.493	231.204.474
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.067.248.493	231.204.474
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		100.590.453.213	112.097.132.270
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	95.195.210.890	105.795.242.452
- Nguyên giá	222		369.098.096.473	358.096.475.240
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(273.902.885.583)	(252.301.232.788)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	5.395.242.323	6.301.889.818
- Nguyên giá	228		14.834.118.508	18.697.924.382
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.438.876.185)	(12.396.034.564)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		39.960.229.550	32.491.050.965
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	39.960.229.550	32.491.050.965
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.862.789.571	12.827.821.488
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(12.137.210.429)	(12.172.178.512)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.897.411.676	8.240.646.245
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	11.897.411.676	8.240.646.245
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		633.500.573.447	577.823.740.209



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		124.989.964.600	99.720.376.879
I. Nợ ngắn hạn	310		113.815.192.557	90.190.540.773
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	48.506.520.565	35.811.254.936
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	2.826.309.641	1.354.775.451
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	6.108.175.432	6.457.333.414
4. Phải trả người lao động	314	V.15	17.282.864.354	10.085.290.652
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	8.113.713.746	9.250.173.026
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	11.879.510.884	11.725.477.705
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a,c	14.938.234.458	11.610.815.171
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19a	1.542.345.774	1.299.132.608
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	2.617.517.703	2.596.287.810
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		11.174.772.043	9.529.836.106
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	585.387.640	1.132.268.680
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b,c	9.432.051.489	8.105.916.426
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.19b	1.157.332.914	291.651.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		508.510.608.847	478.103.363.330
I. Vốn chủ sở hữu	410		508.510.608.847	478.103.363.330
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	367.275.000.000	367.275.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		367.275.000.000	367.275.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	(382.600.000)	(382.600.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	61.481.795.646	46.213.087.998
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.21	439.285.060	439.285.060
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	79.697.128.141	64.558.590.272
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.656.152.953	64.558.590.272
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		72.040.975.188	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		633.500.573.447	577.823.740.209

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2026

Vi Ngọc Đại
Người lậpNguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởngPhạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	98.853.523.647	117.431.376.194	417.362.517.743	357.222.118.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		98.853.523.647	117.431.376.194	417.362.517.743	357.222.118.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	70.901.033.006	85.923.442.296	290.099.859.506	239.552.785.062
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.952.490.641	31.507.933.898	127.262.658.237	117.669.332.938
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.389.998.413	1.678.733.849	8.769.264.094	5.681.310.918
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(188.129.425)	39.665.261	(34.968.083)	(1.382.884.977)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	5.891.222.152	5.764.357.241	18.160.510.229	18.066.413.378
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	8.362.954.170	9.800.603.089	29.167.625.624	33.211.466.832
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.276.442.157	17.582.042.156	88.738.754.561	73.455.648.623
11. Thu nhập khác	31	VI.7	639.458.373	864.910.180	1.484.118.415	2.316.205.126
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.629.128	44.851.613	128.023.331	249.436.477
13. Lợi nhuận khác	40		637.829.245	820.058.567	1.356.095.084	2.066.768.649
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.914.271.402	18.402.100.723	90.094.849.645	75.522.417.272



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	3.395.348.667	3.689.268.305	18.053.874.457	15.116.117.386
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.518.922.735	14.712.832.418	72.040.975.188	60.406.299.886
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-	-	-

Vi Ngọc Đại
Người lập

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		90.094.849.645	75.522.417.272
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	31.892.431.001	31.239.578.906
- Các khoản dự phòng	03	V.2b, V.6, V.19	1.818.483.390	(2.233.645.525)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(321.913.916)	(58.550.230)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.8	(8.269.046.997)	(5.183.345.201)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		115.214.803.123	99.286.455.222
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		21.975.794.370	48.744.294.135
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(20.433.336.532)	(27.540.375.960)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		22.469.467.921	10.871.600.021
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.136.693.931)	1.589.418.087
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(17.648.537.386)	(13.974.282.236)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.20	-	5.400.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20, V.21	(7.886.253.166)	(4.390.004.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		108.555.244.399	114.592.505.069
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10, V.11, VII	(29.119.396.945)	(26.731.385.541)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.8	1.469.696.969	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(290.000.000.000)	(175.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	260.000.000.000	99.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	6.225.828.828	3.717.032.873
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(51.423.871.148)	(99.014.352.668)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18a, V.21	(32.334.561.000)	(25.635.364.850)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>(32.334.561.000)</i></u>	<u><i>(25.635.364.850)</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		24.796.812.251	(10.057.212.449)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	38.811.252.844	48.809.915.063
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		321.913.916	58.550.230
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>63.929.979.011</u>	<u>38.811.252.844</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2026


Vi Ngọc Đại
Người lập

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởngPhạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống; Khảo sát, tư vấn và thi công, lắp đặt các công trình: viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; công trình điện, điện tử, công trình điện lạnh, công trình cấp thoát nước, công trình phòng cháy chữa cháy; Phân phối, đại lý kinh doanh hàng hóa và thiết bị: điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, vật liệu xây dựng, văn phòng và dân dụng, kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Giải pháp VNIT có trụ sở chính tại số 2, đường số 3, Khu công nghiệp BW Supply Chain, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là xuất bản phần mềm. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702979423, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 5 năm 2021 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15 tháng 4 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã thực hiện góp vốn 100% vào công ty con.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm Dịch vụ Viễn thông – Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 2, đường số 3, Khu công nghiệp BW Supply Chain, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện tại TP. Hải Phòng – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 3 đường Bắc Nam khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, Phường Hòa Bình, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Quảng Ngãi – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 8 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam Singapore, xã Thọ Phong, tỉnh Quảng Ngãi
Văn phòng đại diện tại Nghệ An – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 11, Đường số 1, Khu công nghiệp VSIP Nghệ An, xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
Địa điểm kinh doanh tại TP. Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Lô J46, Ô số P1G, Đường NJ17, Khu dân cư ấp 3B, phường Thới Hòa, TP. Hồ Chí Minh

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 337 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 294 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.



084
ÔNG
C PH
G NG
ENT
ET N
CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu cước dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình trả sau, bán lẻ hàng hóa theo hình thức trả chậm/trả góp của các cá nhân đã quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 tháng đến dưới 06 tháng.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 09 tháng.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 09 tháng đến dưới 12 tháng.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 12 tháng trở lên.
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán khác:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất, vật tư, thiết bị khảo sát và chi phí xây dựng, sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí thuê đất

Chi phí thuê đất là khoản tiền thuê đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Chi phí thuê đất được phân bổ theo thời hạn qui định trên hợp đồng thuê đất.

Vật tư, thiết bị khảo sát

Vật tư, thiết bị lắp đặt công trình đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

Chi phí xây dựng, sửa chữa

Chi phí xây dựng, sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	02 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 – 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ có dự phòng bảo hành công trình xây dựng.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 03% trên tổng giá trị công trình (cùng kỳ năm trước là 03%). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

15. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



TT
I
GH
TH
NAM
HIM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	811.634.948	611.134.349
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.118.344.063	33.200.118.495
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	<u>30.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>
Cộng	<u>63.929.979.011</u>	<u>38.811.252.844</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi kỳ hạn từ 09 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

2b. Đầu tư vào công ty con

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702979423, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 5 năm 2021 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15 tháng 4 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Giải pháp VNTT với tổng số tiền là 25.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty TNHH Giải pháp VNTT.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty TNHH Giải pháp VNTT đang trong giai đoạn đầu hoạt động, chưa phát sinh lãi.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	12.172.178.512	13.556.532.226
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(34.968.083)	(1.384.353.714)
Số cuối kỳ	12.137.210.429	12.172.178.512

Giao dịch với công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với Công ty TNHH Giải pháp VNTT như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	4.790.000	4.790.000
Mua máy tính	-	3.321.189
Phí bảo trì phần mềm	-	1.134.750.000
Mua phần mềm	-	1.139.606.376
Phí dịch vụ	650.260.000	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	30.641.244.388	52.656.477.678
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	9.167.195.522	9.039.851.162
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	7.977.760.617	21.959.311.925
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	3.577.480.820	1.682.921.302
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex - Vsip	3.274.681.356	3.547.743.486
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	3.134.197.510	2.980.233.050
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	2.480.875.167	3.173.930.855
Công ty TNHH Becamex Tokyu	541.483.971	182.743.114
VNPT thành phố Hồ Chí Minh	122.107.094	305.249.716
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	89.128.872	-
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	51.119.503	129.504.321
Công ty Cổ phần Điện lực Becamex Bình Phước	36.343.120	121.170.100
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	36.144.000	1.650.000
	30.460.000	28.810.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn	26.350.500		-	
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	26.112.000		1.782.958.800	
Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu	23.028.000		6.000.000	
Công Ty TNHH Một Thành Viên WTC Bình Dương	16.514.834		7.770.000	
Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh Và Phát Triển Bình Dương- Xí Nghiệp Bê Tông Trộn Sẵn Mỹ Phước	9.350.000		9.350.000	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	6.281.500		1.023.548.500	
Công Ty Cổ Phần Sao Hỏa Toàn Quốc	3.850.000		-	
Công ty Cổ phần Câu lạc bộ Bóng đá Becamex Bình Dương	3.740.000		3.740.000	
Công Ty Cổ Phần Giải Pháp Năng Lượng Thông Minh Việt Nam - Singapore	2.750.000		2.750.000	
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	2.640.000		158.955.800	
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	1.650.002		366.886.322	
Công ty Cổ Phần Becamex Bình Định	-		5.632.469.997	
Trung tâm Kinh doanh VNPT - Bình Dương - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	-		475.972.812	
Viễn thông Bình Dương	-		23.056.416	
Công ty TNHH MTV Aspire	-		5.500.000	
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Nhựa Bình Dương	-		2.750.000	
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	-		1.650.000	
Phải thu các khách hàng khác	29.869.150.862		30.755.237.870	
Cộng	60.510.395.250		83.411.715.548	
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn				
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Hoàng Long Vân	2.504.197.600		-	
Công ty TNHH TM DV KT Phan Khang	1.009.011.244		1.009.011.244	
Công ty TNHH hạ tầng truyền thông số	636.474.783		1.117.703.473	
Công ty Điện lực Bình Dương	469.127.425		1.628.237.055	
Các nhà cung cấp khác	2.487.949.220		2.931.810.608	
Cộng	7.106.760.272		6.686.762.380	
5. Phải thu khác				
5a. Phải thu ngắn hạn khác				
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	66.977.066	-	521.095.668	-
Ông Lê Xuân Vinh - Tạm ứng	-	-	453.878.200	-
Công ty TNHH BW Supply Chain City	20.000	-	20.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	40.400	-	359.790	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	44.795	-	63.951	-
Công Ty Cổ Phần Xi Măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex	47.919	-	110.340	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex - Vsip	58.690	-	51.627	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	60.501	-	61.818	-
Công ty TNHH MTV Aspire	61.118	-	60.600	-
Công ty Cổ Phần Becamex Bình Định	70.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	70.910	-	70.910	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	80.000	-	80.000	-
Công Ty Cổ Phần Giải Pháp Năng Lượng Thông Minh Việt Nam - Singapore	86.515	-	63.920	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	120.200	-	140.200	-
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	123.542	-	398.751	-
Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu	159.281	-	158.158	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	180.000	-	180.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	306.544	-	300.800	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	362.802	-	449.689	-
Công ty TNHH Becamex Tokyu	527.118	-	564.244	-
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	1.448.731	-	974.670	-
Công ty TNHH BW Supply Chain City - Ký quỹ, ký cược	63.108.000	-	63.108.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	19.121.604.239	(2.763.329.110)	18.095.028.016	(2.309.450.910)
Ông Lê Xuân Vinh – phải thu khác	453.878.200	-	-	-
Tạm ứng các đối tượng khác	10.406.332.989	-	11.831.522.568	-
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	28.715.062	-	54.453.839	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	4.777.284.932	-	2.630.254.794	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.455.393.056	(2.763.329.110)	3.578.796.815	(2.309.450.910)
Cộng	19.188.581.305	(2.763.329.110)	18.616.123.684	(2.309.450.910)

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	593.971.528	-	142.315.528	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP – Ký quỹ dài hạn	461.656.000	-	10.000.000	-
Công ty TNHH MTV Aspire – Ký quỹ dài hạn	61.835.200	-	61.835.200	-
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định – Ký quỹ dài hạn	51.000.000	-	51.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex – Bình Phước – Ký quỹ dài hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore – Ký quỹ dài hạn	9.480.328	-	9.480.328	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	473.276.965	-	88.888.946	-
Cộng	1.067.248.493	-	231.204.474	-

6. Nợ xấu

Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng là cá nhân				
Từ 03 đến 06 tháng	35.546.482	24.882.537	203.002	142.101
Từ 06 đến 09 tháng	48.812.370	24.406.185	66.474.509	33.237.255
Từ 09 đến 12 tháng	75.055.282	22.516.585	139.472.136	41.841.641
Trên 12 tháng	958.696.697	-	789.415.055	-
Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng là tổ chức				
Dưới 01 năm	-	-	-	-
Từ trên 01 năm đến dưới 02 năm	4.805.173	3.363.621	15.994.660	7.997.330
Từ trên 02 năm đến dưới 03 năm	-	-	511.598.709	153.479.613
Từ 03 năm trở lên	15.455.660	4.636.698	537.193.968	-
Phải thu khác của các cá nhân	1.048.766.254	-	-	-
Từ 03 năm trở lên	2.763.329.110	-	2.309.450.910	-
Tiền tạm ứng phải thu của các cá nhân				
Từ 03 năm trở lên	-	-	453.878.200	453.878.200
Tiền trả trước cho các nhà cung cấp				
Từ trên 02 năm đến dưới 03 năm	10.000.000	3.000.000	-	-
Từ 03 năm trở lên	272.235.926	-	272.235.926	-
Cộng	5.232.702.954	82.805.626	5.095.917.075	690.576.140

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	4.405.340.935	4.209.628.006
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	744.556.393	195.712.929
Số cuối năm	5.149.897.328	4.405.340.935

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	29.232.819.934	-	42.288.715.963	-
Công cụ, dụng cụ	43.457.822	-	100.752.822	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	80.620.530.431	-	46.062.709.520	-
Hàng hóa	21.511.450.173	-	22.522.743.523	-
Cộng	131.408.258.360	-	110.974.921.828	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	572.261.897	447.345.643
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.182.709.611	1.827.697.365
Cộng	3.754.971.508	2.275.043.008

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1.269.517.842	337.924.878
Chi phí thuê đất	8.467.292.370	6.432.075.470
Vật tư, thiết bị khảo sát	14.729.171	32.229.167
Chi phí xây dựng, sửa chữa	982.445.650	196.755.976
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.163.426.643	1.241.660.754
Cộng	11.897.411.676	8.240.646.245

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	18.291.910.157	234.921.413.656	95.268.418.611	8.596.864.012	1.017.868.804	358.096.475.240
Mua trong kỳ	3.099.653.571	1.512.590.684	883.259.320	2.036.762.791	-	7.532.266.366
Đầu tư XD/CB hoàn thành	785.911.060	5.227.265.153	6.382.474.758	1.254.868.606	126.564.925	13.777.084.502
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.708.628.871)	(3.335.643.964)	(263.456.800)	-	(10.307.729.635)
Số cuối kỳ	22.177.474.788	234.952.640.622	99.198.508.725	11.625.038.609	1.144.433.729	369.098.096.473
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.345.971.956	91.874.224.629	24.326.238.200	772.197.075	939.749.622	122.258.381.482
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	9.878.220.288	181.103.850.467	58.472.328.022	1.901.460.060	945.373.951	252.301.232.788
Khấu hao trong kỳ	913.842.368	17.429.992.664	10.806.996.264	1.550.043.844	71.068.730	30.771.943.870
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.632.669.422)	(2.274.164.853)	(263.456.800)	-	(9.170.291.075)
Số cuối kỳ	10.792.062.656	191.901.173.709	67.005.159.433	3.188.047.104	1.016.442.681	273.902.885.5

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

Giá trị còn lại						
Số đầu năm	8.413.689.869	53.817.563.189	36.796.090.589	6.695.403.952	72.494.853	105.795.242.452
Số cuối kỳ	<u>11.385.412.132</u>	<u>43.051.466.913</u>	<u>32.193.349.292</u>	<u>8.436.991.505</u>	<u>127.991.048</u>	<u>95.195.210.890</u>
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.906.733.692	14.791.190.690	18.697.924.382
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	213.839.636	-	213.839.636
Số cuối kỳ	<u>4.120.573.328</u>	<u>(4.077.645.510)</u>	<u>(4.077.645.510)</u>
Trong đó:		10.713.545.180	14.834.118.508
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	6.432.569.680	6.432.569.680
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	12.396.034.564	12.396.034.564
Khấu hao trong kỳ	-	1.120.487.131	1.120.487.131
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>(4.077.645.510)</u>	<u>(4.077.645.510)</u>
		9.438.876.185	9.438.876.185
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.906.733.692	2.395.156.126	6.301.889.818
Số cuối kỳ	<u>4.120.573.328</u>	<u>1.274.668.995</u>	<u>5.395.242.323</u>
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	12.307.585.178	1.663.436.027	(4.802.236.027)	-	9.168.785.178
Xây dựng cơ bản dở dang	20.183.465.787	28.564.951.394	(13.777.084.502)	(4.179.888.307)	30.791.444.372
Cộng	<u>32.491.050.965</u>	<u>30.228.387.421</u>	<u>(18.579.320.529)</u>	<u>(4.179.888.307)</u>	<u>39.960.229.550</u>

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	<u>9.479.108.116</u>	<u>6.462.629.393</u>
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	5.595.725.973	5.595.725.973
VNPT thành phố Hồ Chí Minh	2.780.191.208	-
Công ty TNHH Giải pháp VNIT	662.280.800	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	186.110.451	96.514.107
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex - Vsp	64.969.215	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	41.842.164	30.643.355
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	34.274.311	38.164.167
Công ty TNHH MTV Aspire	34.009.360	34.009.360

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công Ty TNHH Một Thành Viên WTC Bình Dương	22.988.000	-
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	18.717.365	-
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	9.751.190	83.160
Công Ty Cổ Phần Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Becamex	9.195.310	-
Công ty TNHH Becamex Tokyu	6.999.420	8.313.168
Viễn thông Bình Dương	6.621.571	-
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	5.431.778	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	-	50.871.517
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	-	200.000.000
Trung tâm Kinh doanh VNPT - Bình Dương - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	-	96.828.580
Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh Và Phát Triển Bình Dương- Xí Nghiệp Bê Tông Trộn Sẵn Mỹ Phước	-	311.476.006
Phải trả các nhà cung cấp khác	39.027.412.449	29.348.625.543
Công ty Cổ phần phân phối công nghệ Quang Dũng	401.453.811	12.159.964.712
Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ ADTECH Việt Nam	220.055.880	3.892.702.480
Các nhà cung cấp khác	38.405.902.758	13.295.958.351
Cộng	48.506.520.565	35.811.254.936

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH BW Supply Chain City (là bên liên quan)	2.200.000	2.200.000
Chi nhánh Công Ty TNHH Thực Phẩm Orion Vina	1.300.984.200	-
Các khách hàng khác	1.523.125.441	1.352.575.451
Cộng	2.826.309.641	1.354.775.451

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	50.917.932	565.406.410	15.813.485.480	(15.929.696.779)	-	630.699.777
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.639.052.354	-	18.053.874.457	(17.648.537.386)	6.044.389.425	-
Thuế thu nhập cá nhân	767.363.128	-	2.648.329.241	(3.363.108.399)	52.583.970	-
Thuế nhà đất	-	-	28.710.348	(28.710.348)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	126.290.389	(115.088.352)	11.202.037	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	18.160.708	(18.160.708)	-	-
Cộng	6.457.333.414	565.406.410	36.688.850.623	(37.103.301.972)	6.108.175.432	630.699.777

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Phần mềm tin học

Không chịu thuế

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

- Hàng hóa và dịch vụ khác (*) 8% và 10%

(*) Công ty được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 08% từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội. Công ty được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 08% từ ngày 01 tháng 07 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026 theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.914.271.402	18.402.100.723
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	62.471.935	44.240.799
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	16.976.743.337	18.446.341.522
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>3.395.348.667</u>	<u>3.689.268.305</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương và thưởng còn phải trả cho người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công trình	1.510.718.879	2.715.084.177
Chi phí doanh thu phân chia phải trả	5.756.862.952	5.938.524.960
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	846.131.915	596.563.889
Cộng	<u>8.113.713.746</u>	<u>9.250.173.026</u>

17. Doanh thu chưa thực hiện

Khoản tiền cho thuê kênh nhận trước.

18. Phải trả khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	<u>1.224.181.412</u>	<u>584.370.272</u>
Ban điều hành – Tiền thưởng	1.221.496.612	550.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAMĐịa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	(39.139.494)	(317.680.600)
Số cuối kỳ	1.157.332.914	291.651.000

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.596.287.810	2.267.963.234
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	6.107.483.059	3.312.928.776
Tăng khác	7.020.000	5.400.000
Chi quỹ	(6.093.273.166)	(2.990.004.200)
Số cuối kỳ	2.617.517.703	2.596.287.810

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	178.446.000.000	178.446.000.000
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
Các cổ đông khác	168.829.000.000	168.829.000.000
Cộng	367.275.000.000	367.275.000.000

21b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.727.500	36.727.500
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu phổ thông	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu phổ thông	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21c. Phân phối lợi nhuận

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 như sau:

	Số tiền (VND)
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 33.054.750.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	: 15.268.707.648
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 6.107.483.059
• Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	: 1.250.000.000
• Thương ban điều hành	: 1.221.496.612

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 14.242,08 USD (số đầu năm là 225.162,56 USD).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	9.149.062.719	3.094.460.520
Doanh thu cung cấp dịch vụ	72.261.732.772	71.131.481.961
Doanh thu hợp đồng xây dựng	17.442.728.156	43.205.433.713
Cộng	98.853.523.647	117.431.376.194

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP		
Bán thiết bị	2.901.155.000	1.240.041.000
Cung cấp dịch vụ	1.327.771.094	2.150.565.282
Xây dựng công trình	6.121.199.578	16.718.618.170
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước		
Cung cấp dịch vụ	49.800.000	4.500.000
Xây dựng công trình	-	1.649.360.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương		
Bán thiết bị	64.870.000	46.000.000
Cung cấp dịch vụ	164.045.286	169.641.535
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị		
Cung cấp dịch vụ	4.681.501	4.687.935
Xây dựng công trình	-	27.245.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật		
Bán thiết bị	204.080.000	118.580.000
Cung cấp dịch vụ	376.868.644	432.585.083
Xây dựng công trình	1.345.507.000	8.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương		
Bán thiết bị	3.000.000	-
Cung cấp dịch vụ	113.202.221	293.385.325
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông		
Cung cấp dịch vụ	116.828.494	184.740.068
Công ty Cổ phần dược Enlie		
Cung cấp dịch vụ	4.500.000	4.500.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Bán thiết bị	80.000	13.660.000
Cung cấp dịch vụ	167.174.956	275.887.059
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	-	4.500.000
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Bán thiết bị	104.614.000	103.291.000
Cung cấp dịch vụ	39.111.206	44.571.599
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex		
Cung cấp dịch vụ	8.034.400	154.328.886
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore		
Bán thiết bị	155.192.000	48.660.000
Cung cấp dịch vụ	269.440.000	1.082.040.000
Xây dựng công trình	2.862.740.000	-
Công ty Cổ phần SetiaBecamex		
Cung cấp dịch vụ	581.250	581.252
Xây dựng công trình	66.008.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước		
Cung cấp dịch vụ	439.221.687	163.982.032
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định		
Cung cấp dịch vụ	9.279.653	125.685.000
Xây dựng công trình	-	5.038.653.058
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ	59.805.000	61.470.000
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Cung cấp dịch vụ	84.548.788	80.299.741
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex - Vsip		
Bán thiết bị	31.225.000	108.350.000
Cung cấp dịch vụ	59.004.424	80.509.408
Xây dựng công trình	1.556.911.000	10.208.381.130
Trung tâm Kinh doanh VNPT - Bình Dương - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông		
Bán thiết bị	-	80.000
Cung cấp dịch vụ	-	1.524.635.35

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
<i>VNPT thành phố Hồ Chí Minh</i> Cung cấp dịch vụ	2.697.072.709	-
<i>Viễn thông Bình Dương</i> Cung cấp dịch vụ	-	920.504.080
<i>Công Ty TNHH Một Thành Viên WTC Bình Dương</i> Cung cấp dịch vụ	9.972.385	11.190.908
<i>Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu</i> Cung cấp dịch vụ	32.367.407	32.316.774
<i>Công ty TNHH MTV Aspire</i> Cung cấp dịch vụ	15.228.720	15.726.483
<i>Công ty Cổ phần Câu lạc bộ Bóng đá Becamex Bình Dương</i> Cung cấp dịch vụ	10.200.000	10.200.000
<i>Công Ty Cổ Phần Giải Pháp Năng Lượng Thông Minh Việt Nam - Singapore</i> Cung cấp dịch vụ	7.744.526	7.705.071
<i>Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Nhựa Bình Dương</i> Cung cấp dịch vụ	7.500.000	7.500.000
<i>Công ty Cổ phần Điện lực Becamex Bình Phước</i> Cung cấp dịch vụ	11.534.546	15.380.000
<i>Công Ty Cổ Phần Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Becamex</i> Cung cấp dịch vụ	-	7.000.000
<i>Công Ty Cổ Phần Xi Măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex</i> Cung cấp dịch vụ	12.183.368	12.223.274
<i>Công ty TNHH MTV Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Định</i> Cung cấp dịch vụ	4.140.000	3.754.060
<i>Công ty TNHH BW Supply Chain City</i> Cung cấp dịch vụ	4.560.000	4.560.000
<i>Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh Và Phát Triển Bình Dương- Xi Nghiệp Bê Tông Trộn Sẵn Mỹ Phước</i> Bán thiết bị	-	80.000
<i>Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh Và Phát Triển Bình Dương- Xi Nghiệp Bê Tông Trộn Sẵn Mỹ Phước</i> Cung cấp dịch vụ	25.500.000	27.222.720

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
<i>Công Ty TNHH Một Thành Viên Phát Triển Công Nghiệp BW Hải Phòng</i>		
Cung cấp dịch vụ	4.050.000	4.050.000
<i>Công ty Cổ phần Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành</i>		
Bán thiết bị		-
Cung cấp dịch vụ	1.523.076	-
<i>Công Ty Cổ Phần Sao Hỏa Toàn Quốc</i>		
Cung cấp dịch vụ	10.000.000	9.000.000
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.687.176.728	2.904.878.403
Giá vốn cung cấp dịch vụ	41.717.117.423	41.341.657.658
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	20.496.738.855	41.676.906.235
Cộng	70.901.033.006	85.923.442.296
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.305.120.551	1.531.764.383
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	6.225.009	5.931.259
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	82.487.977
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	78.652.853	58.550.230
Cộng	2.389.998.413	1.678.733.849
4. Chi phí tài chính		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) tổn thất đầu tư	(188.129.425)	39.302.729
Chi phí tài chính khác	-	362.532
Cộng	(188.129.425)	39.665.261
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.741.267.191	4.483.334.363
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	49.753.232	39.209.013
Chi phí khấu hao tài sản cố định	77.793.954	72.806.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.389.338	428.090.555
Chi phí khác	906.018.437	740.917.309
Cộng	5.891.222.152	5.764.357.241
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.559.126.605	6.214.516.144
Chi phí vật liệu quản lý	85.403.230	120.672.206
Chi phí đồ dùng văn phòng	59.847.801	218.723.506

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 CÔNG NGHỆ &
 TRUYỀN THÔNG
 VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí khấu hao TSCĐ	236.412.348	431.025.414
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	744.556.393	195.712.929
Chi phí dịch vụ mua ngoài	571.779.398	398.032.352
Chi phí bằng tiền khác	3.105.828.395	2.221.920.538
Cộng	8.362.954.170	9.800.603.089

7. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	288.337.466	853.185.006
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản	263.490.316	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	6.800.000	10.200.000
Thu nhập khác	80.830.591	1.525.174
Cộng	639.458.373	864.910.180

8. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí khác	1.629.128	44.851.613
Cộng	1.629.128	44.851.613

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.282.382.948	24.923.420.728
Chi phí nhân công	24.650.167.947	20.915.625.759
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.130.040.262	7.676.866.129
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.908.618.978	21.525.246.630
Chi phí khác	16.835.027.686	8.189.575.046
Cộng	113.806.237.821	83.230.734.292

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có số dư công nợ phải trả liên quan đến mua sắm tài sản cố định là 6.176.939.355 VND (số đầu năm là 6.303.967.211 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản cho thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng cho thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	12.004.714.000	17.333.420.000
Trên 01 năm đến 05 năm	2.698.362.000	11.535.540.000
Cộng	14.703.076.000	28.868.960.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5a và V.18a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Lê Phan Minh Vũ – Chủ tịch Hội đồng quản trị (bỏ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025)	-	-	49.000.000	49.000.000
Ông Phạm Tuấn Anh – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	168.900.000	59.280.000	44.000.000	272.180.000
Bà Võ Thị Thanh Hương – Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	40.000.000	40.000.000
Ông Nguyễn Bá Thước – Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	40.000.000	40.000.000
Ông Lê Nguyễn Bảo Trọng – Thành viên Hội đồng quản trị (bỏ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025)	-	-	40.000.000	40.000.000
Ông Nguyễn Hải Hoàng – Trưởng Ban kiểm soát	-	-	40.000.000	40.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Trà – Kiểm soát viên	-	-	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Minh Dương – Kiểm soát viên (bỏ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025)	-	-	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Châu Thanh Hiền – Phó Tổng Giám đốc	111.000.000	26.880.000	-	137.880.000
Ông Nguyễn Văn Phúc – Kế toán trưởng	117.000.000	40.416.000	-	157.416.000
Cộng	396.900.000	126.576.000	301.000.000	824.476.000
Kỳ trước				
Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ – Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	60.000.000	60.000.000
Ông Phạm Tuấn Anh – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	168.900.000	171.880.000	50.000.000	390.780.000
Bà Võ Thị Thanh Hương – Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	50.000.000	50.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Quảng Văn Việt Cường – Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	50.000.000	50.000.000
Ông Nguyễn Bá Thước – Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	50.000.000	50.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Trưởng Ban kiểm soát	-	-	50.000.000	50.000.000
Ông Nguyễn Hải Hoàng – Kiểm soát viên	-	-	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Trà – Kiểm soát viên	-	-	30.000.000	30.000.000
Ông Lê Xuân Vinh – Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2025)	97.650.000	92.442.000	-	190.092.000
Ông Lai Xuân Nghĩa – Phó Tổng Giám đốc(miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2024)	-	18.642.273	-	18.642.273
Ông Nguyễn Châu Thanh Hiền – Phó Tổng Giám đốc	96.000.000	90.880.000	-	186.880.000
Ông Nguyễn Văn Phúc – Kế toán trưởng	132.000.000	132.416.000	-	264.416.000
Cộng	494.550.000	506.260.273	370.000.000	1.370.810.273

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Công ty góp vốn
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Công ty góp vốn
Công ty TNHH Giải pháp VNIT	Công ty con
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex – Bình Phước	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Nhựa Bình Dương	Công ty con của Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty Liên doanh TNHH SinViet	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương

Công ty TNHH MTV WTC Hải Phòng

Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW

Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp BW Thái Hòa

Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp BW Thái Hòa – Dự án 2

Công ty TNHH BW Supply Chain City

Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp BW Bàu Bàng – Dự án 3

Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Bàu Bàng – BB04

Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Bàu Bàng – BB05

Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Bàu Bàng – BB06

Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Bàu Bàng – BB01

Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Mỹ Phước 3

Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp BW Hải Phòng

Công ty TNHH MTV Aspire

Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông

Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu

Công ty TNHH MTV Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Định

Công ty Cổ phần Điện lực Becamex Bình Phước

Công ty TNHH MTV Hỗ trợ khởi nghiệp Becamex IDC – Block 71

Công ty Cổ phần Câu lạc bộ Bóng đá Becamex Bình Dương

Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi

Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam – Singapore

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Becamex – Vsip

Công ty Cổ phần VSIP Cần Thơ

Trung tâm Kinh doanh VNPT – Bình Dương – Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông VNPT thành phố Hồ Chí Minh

Mối quan hệ

Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP

Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW

Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW

Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW

Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW

Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW

Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW

Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW

Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW

Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW

Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW

Công ty con của trường Đại học Quốc tế Miền Đông

Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP

Công ty con của Công ty TNHH Becamex Tokyu

Công ty con của Công ty Cổ phần Becamex Bình Định

Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex – Bình Phước

Công ty cùng chủ đầu tư

Công ty cùng chủ đầu tư

Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP

Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP

Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP

Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP

Công ty có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị

Công ty có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



100
CỔ
CỔ
CÔNG
TRUYỀN
THÔNG
VIỆT
NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Viễn thông Bình Dương	Công ty có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh – Thủ Dầu Một – Chơn Thành	Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP
Công ty Cổ phần Sao Hỏa Toàn quốc	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh VI.1b, Công ty còn phát sinh thêm giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP		
Phí quản lý và duy tu cơ sở hạ tầng	77.814.294	48.150.630
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương		
Mua bất động sản	-	9.168.785.178
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông		
Tiền điện và tiền thuê phòng	35.896.343	15.572.684
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Chi phí phân chia theo hợp đồng hợp tác	8.132.761	11.573.722
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Phí dịch vụ	-	5.762.845
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Phí dịch vụ	5.055.750	200.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex		
Mua hàng hóa, dịch vụ	5.659.111	113.280.987
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore		
Phí dịch vụ	40.809.138	39.045.019
Chi phí phân chia theo hợp đồng hợp tác	343.894.566	365.001.229
Công ty Cổ phần SetiaBecamex		
Chi phí phân chia theo hợp đồng hợp tác	17.194.713	14.926.967
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex – Bình Phước		
Chi phí thuê nhà	16.911.291	15.000.000
Chi phí phân chia theo hợp đồng hợp tác	113.041.922	97.787.700
Công ty TNHH Giải pháp VNTT		
Phí dịch vụ	650.260.000	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Becamex Bình Định</i>		
Cho thuê bất động sản, mặt bằng	17.122.400	7.027.209
Chi phí phân chia theo hợp đồng hợp tác	27.493.124	13.494.813
<i>Trung tâm Kinh doanh VNPT – Bình Dương – Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông</i>		
Phải trả doanh thu phân chia theo hợp đồng hợp tác	1.960.784.961	9.022.183.225
Phí dịch vụ	210.895	43.538.416
<i>VNPT thành phố Hồ Chí Minh</i>		
Phải trả doanh thu phân chia theo hợp đồng hợp tác	6.464.154.447	-
Phí dịch vụ	7.655.114	-
<i>Viễn thông Bình Dương</i>		
Mua nguyên vật liệu	6.019.610	-
<i>Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương</i>		
Phí dịch vụ	31.780.000	16.800.000
<i>Công ty TNHH MTV Aspire</i>		
Cho thuê bất động sản, mặt bằng	92.752.800	92.752.800
<i>Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex</i>		
Tiền điện và tiền thuê phòng	16.058.880	9.361.792
<i>Công ty TNHH BW Supply Chain City</i>		
Chi phí thuê bất động sản, mặt bằng	1.350.332.560	1.350.332.560
<i>Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương – Xí nghiệp Bê tông Trộn sẵn Mỹ Phước</i>		
Mua nguyên vật liệu	-	105.820.371
<i>Công ty Liên doanh TNHH SinViet</i>		
Mua hàng hóa	-	38.352.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex - Vsip</i>		
Phí dịch vụ	60.156.681	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.12, V.13 và V.18.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Cung cấp dịch vụ.
- Lĩnh vực 02: Xây dựng công trình.
- Lĩnh vực 03: Kinh doanh bất động sản.
- Lĩnh vực 04: Các lĩnh vực khác (bán hàng hóa)

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2026



Vi Ngọc Đại
Người lập



Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

